

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/DS-ST
Ngày 19 tháng 02 năm 2024
Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích; Ông Phạm Ngọc Nguyên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Võ Phan Hưng - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2023/TLST-DS ngày 21/11/2023 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Văn N, sinh năm 1960.

Nguyễn Thị C, sinh năm 1959.

Nơi cư trú: Số B T, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lưu Q, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Số I, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền chứng thực số 1075 ngày 08/12/2023 tại Văn phòng C1). Có mặt

2. Bị đơn: Võ Ngọc T, sinh năm 1974. Vắng mặt

Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1975. Vắng mặt

Nơi cư trú: Số C, đường H, khóm F, phường M, Tp.L, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Số C, khu dân cư X, phường M, Tp.L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 17/11/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Năm 2013, được người quen giới thiệu ông Võ Ngọc T đến hỏi vay tiền của ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị C nhiều lần, mục đích đầu tư phương tiện thủy (sà lan) để vận chuyển cát và các bên có thỏa thuận cho ông T, bà B vay trả vốn, lãi nhiều lần. Đến năm 2014, ông T không còn kinh doanh vận chuyển cát và không tiếp tục vay. Sau khi đối chiếu thì số tiền ông T còn nợ ông N, bà C là 1.474.500.000 đồng. Ông T cùng vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc B có viết biên nhận nợ ngày 22/7/2014 và cam kết sẽ trả với thời hạn như sau: Cuối tháng 7/2014 trả 10.000.000 đồng; sau 02 tháng sẽ trả từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nhưng ông T, bà B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ.

Đến ngày 08/7/2015, ông T, bà B tiếp tục viết Giấy nhận nợ với phương thức trả nợ như sau: tháng 10/2015, trả 10.000.000 đồng; ngày 15/10/2015, trả 5.000.000 đồng; tháng 11/2015, trả 10.000.000 đồng; tháng 12/2015, trả 10.000.000 đồng; ngày 30/12/2015, trả 5.000.000 đồng; từ tháng 01/2016 đến tháng 5/2016: trả mỗi tháng 10.000.000 đồng và từ tháng 6/2016 trở về sau mỗi tháng trả 20.000.000 đồng cho đến khi trả dứt nợ. Sau đó, ông T, bà B có thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy nhận nợ ngày 08/7/2015 nhưng chỉ trả cho ông N, bà C được tổng cộng 18.000.000 và lần cuối vào ngày 15/10/2015 trả được 5.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền ông T, và bà B trả được 23.000.000 đồng, còn nợ lại 1.451.500.000 đồng cho đến nay. Do đó, ông N, bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết một số vấn đề như sau: Buộc ông T, bà B thanh toán số tiền còn nợ ông N, bà C là 1.451.500.000 đồng. Buộc ông T, bà B trả tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ 10%/năm kể từ ngày 10/9/2015 tạm tính đến ngày 10/11/2023 là 98 tháng với số tiền 1.185.391.000 đồng. Sau ngày 10/11/2023 vẫn tiếp tục tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ nếu ông T, bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Bị đơn Võ Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Lưu Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải liên đới trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 1.451.500.000 đồng, đồng thời xác định yêu cầu tính lãi từ ngày 30/12/2015 là ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Giấy nhận nợ ngày 08/7/2015 cho đến ngày xét xử 19/02/2024 là 97 tháng 19 ngày (nguyên đơn tự nguyện làm tròn 97 tháng).

Bị đơn Võ Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc B vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký

phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 119, Điều 357, Điều 400, Điều 401, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn Võ Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc B cùng liên đới trách nhiệm trả cho ông N, bà C số tiền vốn là 1.451.500.000 đồng và lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 30/12/2015 đến ngày 19/02/2024 với mức lãi suất 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn hợp lệ. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay tiền nhiều lần và bị đơn có viết biên nhận nợ ngày 22/7/2014 và ngày 08/7/2015 xác định số tiền vay còn nợ nguyên đơn là 1.474.500.000 đồng, đồng thời cam kết trả nợ hàng tháng từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng nhưng bị đơn không thực hiện theo thỏa thuận. Tính đến ngày 15/10/2015, bị đơn trả cho nguyên được 23.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay, còn nợ lại 1.451.500.000 đồng. Như vậy, các bên có thỏa thuận giao dịch dân sự bằng hình thức vay và cho vay tài sản theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng bị đơn không trả vốn theo thỏa thuận, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tài sản nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, điều này thể hiện bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ dân sự đối với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật với mức lãi 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 30/12/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, tại 02 biên nhận nợ ngày 22/7/2014 và ngày 08/7/2015, các bên không thỏa thuận lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn như sau: số tiền vốn 1.451.500.000 đồng x 10%/năm (0,833%/tháng) x 97 tháng 19 ngày (tính từ ngày 30/12/2015 đến ngày 19/02/2024, nguyên đơn tự nguyện làm tròn là 97 tháng) = 1.172.826.515 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn, lãi bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là 2.624.326.515 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, án phí phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn

Buộc bị đơn ông Võ Ngọc T, bà Nguyễn Thị Ngọc B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Nguyễn Thị C số tiền vay, lãi là 2.624.326.515 đồng, trong đó tiền vay là 1.451.500.000 đồng, tiền lãi là 1.172.826.515 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Võ Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc B phải có nghĩa vụ liên đới nộp 84.468.530 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp.L;
- Chi cục THADS Tp.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam